

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**



Bản án số: **11/2024/HSST**

Ngày **14/03/ 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tòa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Thành**

2/ Ông **Đoàn Minh Thắng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây – tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thành Nam** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 2 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HS ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đối với các bị cáo:

1/ HUỲNH TẤN L1 (tên gọi khác là Ốc)

- Sinh ngày 11 tháng 01 năm 1987 T Tiền Giang.
- CCCD: 082087015947
- Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Nghề nghiệp: không.
- Trình độ học vấn: 5/12.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.
- Con ông Huỳnh Văn H (đã chết) và bà Đoàn Thị Kim L – sinh năm 1967.
- Vợ, con: chưa có
- Tiền sự: Không.

Ngày 30/9/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng 12 tháng theo Quyết định số 102/QĐ-UB về hành vi gây rối trật tự công cộng (chấp hành xong)

- Tiền án: 01 lần. ngày 13/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Gò Công tuyên phạt 7 năm 6 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 38/2016/HSST (đã chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành án phí, hình phạt bổ sung và nộp lại thu lợi bất chính).

Ngày 26/03/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 09/HSST (chấp hành xong).

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/6/2023 đến nay có mặt T phiên toà.

2/ NGÔ ĐÌNH T (tên gọi khác là Đen)

- Sinh ngày 27 tháng 06 năm 2005 T Tiền Giang.

- CCCD: 082205011760

- Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không.

- Trình độ học vấn: 7/12.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

- Con ông Ngô Đình H - sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Kim X – sinh năm 1982.

- Vợ, con: chưa có,

- Tiền sự: Không.

Ngày 24/6/2021, bị Công an xã B, huyện Gò Công Tây xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 75 (chấp hành xong).

- Tiền án: không.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/6/2023 đến nay có mặt T phiên toà.

3/ LÊ THÀNH L

- Sinh ngày 23 tháng 12 năm 2002 T Tiền Giang.

- CCCD: 082202004492

- Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không.

- Trình độ học vấn: 9/12.

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

- Con ông Lê Long H - sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1976.

- Vợ, con: chưa có,

- Tiền sự: Không.

Ngày 30/6/2021, bị Công an xã B, huyện Gò Công Tây ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục T xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 18/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong)

- Tiền án: không.
- Bị cáo bị tạm giam từ 28/7/2023 đến nay có mặt T phiên tòa.

4/ **LÊ ANH D**

- Sinh ngày 12 tháng 11 năm 1994 T Tiền Giang.
- CCCD: 082094008119
- Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Nghề nghiệp: tài xế.
- Trình độ học vấn: 9/12.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.
- Con ông Lê Văn G - sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1960.
- Vợ, con: chưa có
- Tiền sự: Không.
- Tiền án: không.
- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/7/2023 đến nay có mặt T phiên tòa.

* **Người bị hại:** 1/ **Nguyễn Văn L2** – sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2/ **Nguyễn Trí D1** - sinh năm 1988

Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

3/ **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Đoàn Thị Kim L – sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

* **Người làm chứng:** 1/ **Cao Thị Kim H** – sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2/ **Nguyễn Bình Th** - sinh năm 2000

Nơi cư trú: ấp T xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến T phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 24/4/2023 khi các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D và 02 người phụ nữ tên Chi, Trang (không rõ họ và địa chỉ) cùng nhau uống rượu T nhà của bị cáo L1 thì bị cáo L1 có nhắc đến việc anh Nguyễn Bình Th, thiếu tiền người anh ngoài xã hội của L1 nhưng không trả, đồng thời do T có mâu thuẫn trước với anh Nguyễn Văn L2, (anh ruột của Th, ngụ cùng địa chỉ) nên T rủ L đến nhà Th để đòi tiền thay cho L1 và giải quyết mâu thuẫn giữa T và L2. L đồng ý, nên L mượn xe Exciter màu đỏ,

biển số 63B6-486.90 của L1 chở T đến nhà anh Th. Khi đến nhà của Th, thời điểm này có anh Th, anh L2, anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Trí D1 (Bông) là anh rể Th, đang ngồi nhậu T hành Lg nhà. L kêu anh Th ra nói chuyện thì giữa T, L, Th, L2 xảy ra xô xát, đánh nhau (không gây thương tích), sau đó L điều khiển xe 63B6-486.90 chở T bỏ đi về. L điều khiển xe 63B6-486.90 về nhà mình lấy 01 dao tự chế, rồi cùng T đi đến nhà L1, L giấu hung khí mang theo vào bụi cỏ trước nhà L1, rồi đi vào nhà L1 cùng với L1, D, T và Chi, Trang tiếp tục uống bia, được một lúc Chi, Trang ra về, các bị cáo tiếp tục ngồi uống. Trong lúc uống bia, L, T kể lại sự việc trong nhà anh Th cho L1 và D nghe, thì L1 nói với L, T, D “*dọn dẹp rồi đi vô tròng*” đồng thời L1 ra phía nhà bếp lấy 03 con dao tự chế để trong cái bao đem lên để T vị trí nhóm đang ngồi. Lúc này, các bị cáo hiểu sẽ cùng nhau sử dụng hung khí đến nhà anh Th để tìm anh Th, L2 đánh để trả thù. Do không đủ phương tiện để đi vào nhà anh Th nên L sử dụng xe 63B6-486.90 chở D về nhà của D lấy xe mô tô biển số 63B5-602.14. Lúc này, L1 cầm bao hung khí cùng T ra phía trước nhà đợi L, D, đồng thời T lấy 01 con dao tự chế của L giấu trước đó để chung vào bao chứa 03 hung khí của L1. Sau khi L và D điều khiển 02 xe mô tô đến nhà L1, thì L điều khiển xe 63B6-486.90 chở L1 ngồi phía sau ôm bao chứa 04 hung khí; còn D điều khiển xe 63B5-602.14 chở T ngồi phía sau cùng chạy đến nhà anh Th. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, các bị cáo đến nhà anh Th và đỗ xe ở lề đường, cạnh đầu cầu bắc sang nhà anh Th, rồi L1 để bao hung khí xuống mặt đường, mỗi bị cáo nhặt lấy 01 hung khí, cụ thể: L lấy 01 dao tự chế dài 80cm; phần cán dao bằng gỗ, dài 20cm; phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 60cm, một cạnh sắc bén, mũi nhọn, bên trên có 08 lỗ tròn, trên cán dao có gắn 01 khoen kim loại; D lấy 01 dao tự chế dài 43cm, con dao có đặc điểm: cán dao bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 33,5cm, có một cạnh sắc bén, bề rộng lưỡi dao dài 2,5cm, mũi nhọn; T lấy 01 dao tự chế dài 50cm, con dao có đặc điểm cán dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, có một cạnh sắc bén, nơi hẹp nhất của lưỡi dao dài 04cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 5,8cm, mũi nhọn; L1 lấy 01 dao tự chế loại mã tấu dài khoảng 50cm, có mũi nhọn, một cạnh sắc bén. Các bị cáo cùng nhau đi lên phía trước nhà của anh Th, những người có mặt T nhà anh Th nhìn thấy nên bỏ chạy, T cầm hung khí đi vào nhà, đi từ nhà trên xuống nhà dưới (bếp) thì thấy anh L2 đang trong nhà vệ sinh, thì T xông vào dùng dao tự chế chém nhiều cái trúng vào cẳng tay phải, bàn tay trái, cẳng tay trái và vùng mặt anh L2 gây thương tích, đến khi anh L2 ngồi xồm xuống nền đất thì T ngừng chém và bỏ đi ra ngoài theo hướng cửa sau. Lúc này, L cầm dao tự chế từ nhà trước đi đến và thấy anh L2 nên xông vào chém anh L2 nhưng anh L2 tránh được, đồng thời L bị trượt chân (do máu dưới nền nhà trơn trượt) nên bị anh L2 ôm lấy và cả hai giằng co để giành lấy hung khí. Quá trình giằng co, hung khí của L đã gây thương tích cho anh L2 ở bàn tay trái và gây thương tích cho L ở cẳng tay phải, bàn tay trái, ngón tay phải, lòng bàn chân phải. Khi cả hai đang giằng co thì anh D1 đi từ nhà trên xuống thấy, nên anh D1 chạy lại can ngăn thì L dùng hung khí chém anh D1 gây thương tích ở ngực phải. Sau đó, anh D1 giật được hung khí trên tay của L, anh L2 đứng dậy và chạy ra nấp phía sau lưng của anh D1. Do thấy L vẫn có ý định tiếp tục xông vào tấn công nên anh D1 đã dùng hung khí giật được của bị cáo L quơ thẳng về phía trước để hù dọa không cho L xông vào tấn công. Lúc này, L đang đứng dậy, do nền nhà có nhiều máu nên L bị trượt chân về hướng anh D1 thì bị hung khí của anh D1 đang cầm quơ trúng gây thương tích, L la lớn và bỏ chạy ra phía trước nhà, T và D nghe tiếng của

L la nên chạy vào trong nhà nhưng anh D1 đã đóng cửa giữa nhà trước và nhà bếp lại và dùng hung khí để chống trả nên T, D không vào được. T, D chạy theo hành Lg ra cửa sau, khi đến vị trí hồ nước bên hông nhà anh Th thì T thấy anh B đang đứng nấp thì dùng hung khí chém một cái trúng vào đầu anh B gây thương tích. Riêng L1, khi nghe L la lên thì chạy đến cửa nhà sau của anh Th nhưng không thấy L nên bỏ đi ra cây cầu phía sau nhà anh Th thì gặp L, sau đó các bị cáo tẩu thoát khỏi hiện trường. Sau đó anh L2 được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị, đến ngày 24/4/2023, 26/4/2023 và 10/5/2023, anh B, anh D1 và anh L2 có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với các bị cáo.

Kết luận giám định số 219-2023/KLTTCT-TTPY ngày 13/6/20213 của trung tâm pháp y Tiền Giang kết luận: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên T thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn L2 là 39%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định số 242-2023/KLTTCT-TTPY ngày 20/6/2023 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Tiền Giang kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên T thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Trí D1 là 02%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định số 226-2023/KLTTCT-TTPY ngày 20/6/2023 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Tiền Giang kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên T thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn B là 03%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2023, xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius F1, biển số 63B5-23751. Bị bể hoàn toàn đèn chiếu sáng phía trước, ốp nhựa đầu xe bị bể cần phải thay mới trị giá 800.000 đồng.

T bản Cáo trạng số 05/CT-VKSGCT ngày 01/2/2024 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định T điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

T phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị mức án phạt đối với bị cáo Huỳnh Tấn L1 từ 7 năm 6 tháng đến 08 năm tù; Ngô Đình T từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù; Lê Thành L từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù; Lê Anh D từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 dao tự chế dài 80cm, phần cán dao bằng gỗ, dài 20cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 60cm, một cạnh sắc bén, một cạnh sắc bén, mũi nhọn (bị cong mũi), bên trên có 08 lỗ tròn, 01 khoen kim loại; 01 dao tự chế dài 43cm, cán dao bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 33,5cm, có một cạnh sắc bén, bề rộng lưỡi dao dài 2,5cm, mũi nhọn; 01 dao tự chế dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, có một cạnh sắc bén, nơi hẹp nhất của lưỡi dao dài 04cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 5,8cm, mũi nhọn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng T phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D thừa nhận hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 20 giờ, ngày 24/4/2023, T nhà anh Nguyễn Bình Th tọa lạc ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D, đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho 03 người gồm: anh Nguyễn Văn L2 tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%, anh Nguyễn Văn D1 tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%, anh Nguyễn Văn B tỷ lệ tổn thương cơ thể 03%.

[3] Lời khai của các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây T cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định T điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D nhận biết hành vi dùng dao tự chế chém anh Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn B là rất nguy hiểm, sẽ gây thương tích có thể nguy hiểm đến tính mạng cho người khác, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây thương tích cho anh Nguyễn Văn L2 tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%, anh Nguyễn Văn D1 tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%, anh Nguyễn Văn B tỷ lệ tổn thương cơ thể 03%. Hành vi của các bị cáo không những gây tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang cho người dân T địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc, phân công phối hợp chặt chẽ, nên chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo Huỳnh Tấn L1 không trực tiếp gây thương tích cho Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn B, nhưng bị cáo L1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo T, L trong việc chuẩn bị hung khí, phương tiện đi cùng nhóm đến địa điểm gây án, cầm hung khí đứng xung quanh

sẵn sàng hỗ trợ cho nhóm mình khi xảy ra đánh nhau và chờ các bị cáo gây án xong để tẩu thoát. Bị cáo Huỳnh Tấn L1 có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy (tội phạm rất nghiêm trọng) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm, được quy định T điểm h khoản 1 điều 52 BLHS, đồng thời nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau là từ L1 nên hành vi phạm tội của bị cáo L1 nguy hiểm hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Ngô Đình T, Lê Thành L là người trực tiếp cầm hung khí chém Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn B gây thương tích. Đối với bị cáo T thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên tính chất mức độ của hành vi phạm tội có phần hạn chế hơn bị cáo L. Bị cáo D với vai trò chỉ giúp sức cho các bị cáo T, L trực tiếp chém anh L2, D1, B và bị cáo D chưa có tiền án tiền sự nên hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định T khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, trở thành công dân lương thiện và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định T các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tại cơ quan điều tra người bị hại Nguyễn Văn L2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền 281.200.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường cho anh L2 số tiền 196.425.584 đồng. Anh L2 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường 84.774.4156 đồng (gồm tiền điều trị thương tích là 39.774.416 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng). Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Văn L2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền cấp dưỡng nuôi hai con là 48.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 45.000.000 đồng. Xét tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian anh L2 hồi phục sức khỏe nên Hội đồng xét xử chấp nhận tiền cấp dưỡng nuôi hai con anh L2 thời hạn 1 năm là 21.600.000 đồng, trước đây các bị cáo đã bồi thường 9.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh L2 nên cần trừ vào số tiền 21.600.000 đồng, do đó các bị cáo phải bồi thường số tiền 12.600.000 đồng. Đối với tiền tổn thất tinh thần thì các bị cáo đã bồi thường 45.000.000 đồng tương đương 25 tháng tối thiểu nên yêu cầu này không được chấp nhận. Đối với yêu cầu chi phí điều trị 39.774.416 đồng và tiền mất khả năng lao động 200.000.000 đồng, anh L2 yêu cầu tách ra để giải quyết thành vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.1] Đối với người bị hại Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn B không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[8] Về vật chứng: 01 dao tự chế dài 80cm, phần cán dao bằng gỗ, dài 20cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 60cm, một cạnh sắc bén, một cạnh sắc bén, mũi

nhọn (bị cong mũi), bên trên có 08 lỗ tròn, 01 khoen kim loại; 01 dao tự chế dài 43cm, cán dao bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 33,5cm, có một cạnh sắc bén, bề rộng lưỡi dao dài 2,5cm, mũi nhọn; 01 dao tự chế dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, có một cạnh sắc bén, nơi hẹp nhất của lưỡi dao dài 04cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 5,8cm, mũi nhọn. Đây là các công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.1] Đối với 01 dao tự chế loại mã tấu dài khoảng 50cm, có mũi nhọn, một cạnh sắc bén mà bị cáo L1 sử dụng, quá trình điều tra xác định, trên đường tẩu thoát L1 đưa cho L và L đã ném bỏ dọc đường đi, do L không nhớ địa điểm đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không xử lý là có cơ sở.

[8.2] Đối với xe mô tô 63B5-602.14 là của D, sau khi gây án D đã bán xe trên cho một thanh niên (không rõ nhân thân) được 10.000.000 đồng để lấy tiền bồi thường dân sự cho bị hại. Hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xử lý là có cơ sở.

[8.3] Đối với xe mô tô biển số 63B6-486.90 là tài sản hợp pháp của bà Đoàn Thị Kim L (mẹ ruột L1), bà L không biết việc L1 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra không thu giữ xử lý là có cơ sở.

[9] Đối với thương tích của L là do anh L2 và D1 gây nên, trong quá trình điều tra L không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, hành vi của anh L2 và anh D1 gây thương tích cho L trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với thương tích của L là có cơ sở.

[10] Đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Ngày 17/01/2024, Công an huyện Gò Công Tây đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02, xử phạt T 1.750.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là có cơ sở.

[11] Về án phí: do nhận định các bị cáo có tội và các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định T khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo **Huỳnh Tấn L1 (tên gọi khác Ốc) 7 (B) năm 6 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/6/2023

Áp dụng Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 38, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo **Ngô Đình T (tên gọi khác Đen) 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/6/2023.

Áp dụng Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo **Lê Thành L 7 (B) năm** tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/7/2023.

Áp dụng Điều 17, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- **Xử phạt:** Bị cáo **Lê Anh D 4 (bốn) năm** tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 28/7/2023.

- **Về trách nhiệm dân sự:** áp dụng các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D liên đới bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L2 số tiền cấp dưỡng nuôi con là **12.600.000** (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định T khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao tự chế dài 80cm, phần cán dao bằng gỗ, dài 20cm, phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 60cm, một cạnh sắc bén, một cạnh sắc bén, mũi nhọn (bị cong mũi), bên trên có 08 lỗ tròn, 01 khoen kim loại; 01 dao tự chế dài 43cm, cán dao bọc nhựa màu đen dài 9,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 33,5cm, có một cạnh sắc bén, bề rộng lưỡi dao dài 2,5cm, mũi nhọn; 01 dao tự chế dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, có một cạnh sắc bén, nơi hẹp nhất của lưỡi dao dài 04cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 5,8cm, mũi nhọn.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/02/2024 giữa Công an huyện Gò Công Tây và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây).

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Huỳnh Tấn L1 phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngô Đình T phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lê Thành L phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lê Anh D phải chịu **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm và .

Các bị cáo Huỳnh Tấn L1, Ngô Đình T, Lê Thành L, Lê Anh D liên đới chịu **630.000** đồng án phí dân sự trong hình sự.

Báo các bị cáo, người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Các đương sự phải thực hiện việc thi hành án theo quy định T Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh TG;
- Viện KS ND huyện GCT;
- Thi hành án DS GCT;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Tuấn Anh

